

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15-8-2022

V/v xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hạnh và ông Nguyễn Thành Nhật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị V, sinh năm 1990, có mặt.

Địa chỉ: Xóm TK, xã TS, huyện VN, tỉnh TN

Dân tộc: Dao; Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

- Bị đơn: Anh Triệu Văn Q, sinh năm 1987, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm TK, xã TS, huyện VN, tỉnh TN (*hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên*).

Dân tộc: Dao; Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn là chị Triệu Thị V trình bày: Chị và anh Triệu Văn Q kết hôn năm 2009 đăng ký kết hôn tại UBND xã TS, huyện VN, tỉnh TN. Trước khi kết hôn có tìm hiểu, tự nguyện, không bị ai ép buộc. Cuộc sống vợ

chồng thời gian đầu hòa hợp, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Nhưng sau nhiều năm chung sống anh Q không chịu làm ăn, nghiện hút ma túy mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần ngăn cản nhưng anh Q không từ bỏ được ma túy dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Đến nay chị thấy không thể chung sống với anh Quý được nữa nên chị làm đơn xin ly hôn anh Quý. Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Quý có 02 con chung là Triệu Nguyên Toàn, sinh ngày 17/9/2009 và Triệu Thị Dung, sinh ngày 30/5/2011, hiện nay các con của chị đang sống cùng chị và đều có nguyện vọng sau khi vợ chồng chị ly hôn được sống cùng chị, chị có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu không yêu cầu anh Q đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Triệu Văn Q trình bày: Anh và chị V kết hôn với nhau năm 2009 đăng ký kết hôn tại UBND xã TS, huyện VN, tỉnh TN theo quy định của pháp luật. Trước khi kết hôn có tìm hiểu và tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện không bị ép buộc. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hòa hợp, hạnh phúc, đến nay hai vợ chồng đã chung sống với nhau được 14 năm. Sau đó do bản thân anh bị lôi kéo sa vào con đường nghiện hút ma túy nên vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Sau một thời gian anh đi cai nghiện bắt buộc, chị V tự ý bỏ về bên ngoại và tự ý làm đơn xin ly hôn anh, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nay chị V xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn với chị V. Về con chung nếu chị V cương quyết ly hôn tùy nguyện vọng của con ở với ai người đó sẽ có trách nhiệm nuôi con, anh không có ý kiến gì. Về tài sản chung, nợ chung anh Q xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phù hợp với các quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Triệu Thị V cho chị V được ly hôn anh Triệu Văn Q. Về con chung: Giao cháu Triệu Nguyên T, sinh ngày 17/9/2009 và Triệu Thị D, sinh ngày 30/5/2011 cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho

anh Q vì chị V không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Án phí chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn là anh Triệu Văn Q có nơi cư trú tại Xóm TK, xã TS, huyện VN, tỉnh TN. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị V và anh Triệu Văn Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã TS, huyện VN, tỉnh TN nên đây được coi là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mọi quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh Q đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Anh Q không chịu làm ăn và nghiện hút ma túy mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần ngăn cản nhưng anh Q không từ bỏ được ma túy dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh Q không nhất trí ly hôn nhưng anh không có giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay anh Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị V vẫn cương quyết ly hôn không về chung sống cùng anh Quý nữa. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị V và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được xét cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

[3]. Về con chung: Cháu Triệu Nguyên T, sinh ngày 17/9/2009 và Triệu Thị D, sinh ngày 30/5/2011 đều có nguyện vọng sống cùng chị V, đồng thời hiện nay đang sống cùng chị V và học hành ổn định. Để đảm bảo cuộc sống cho con của chị V và anh Q được chăm sóc và giáo dục tốt. Hội đồng xét xử xét cần giao cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Nguyên T, sinh ngày 17/9/2009 và Triệu Thị D, sinh ngày 30/5/2011 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q do chị V không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Triệu Thị V và anh Triệu Văn Q xác định không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Bởi lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273, 482 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Triệu Thị V được ly hôn anh Triệu Văn Q.

2- Về con chung: Giao cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Triệu Nguyên T, sinh ngày 17/9/2009 và Triệu Thị D, sinh ngày 30/5/2011 đến khi cháu T và cháu D đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Q có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q.

4- Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung và nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5- Về án phí: Buộc chị Triệu Thị V chịu 300.000^d án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số chị V đã nộp 300.000^d tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0004954 ngày 04/7/2022.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết tại UBND xã.

Nơi nhận:

- VKS huyện Võ Nhai;
- THADS huyện Võ Nhai;
- UBND xã Thần Sa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

